

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO BÀI THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2020 ĐỢT 2

ST T	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	Môn	Điểm TL trước PK	Điểm TN trước PK	Tổng điểm trước PK	Điểm TL sau PK	Điểm TN sau PK	Tổng điểm sau PK	TS thay đổi điểm	Điểm ĐKDT
1	40014923	TRẦN THỊ KIM DUNG	29/09/2002	Nữ	242026097	HO		8.75	8.75		8.75	8.75		THPT Cao Bá Quát
2	40014923	TRẦN THỊ KIM DUNG	29/09/2002	Nữ	242026097	LI		7.75	7.75		7.75	7.75		THPT Cao Bá Quát
3	40014923	TRẦN THỊ KIM DUNG	29/09/2002	Nữ	242026097	TO		9.2	9.2		9.2	9.2		THPT Cao Bá Quát
4	40014982	VÔ VĂN DƯƠNG	26/04/2002	Nam	242009951	DI		2.75	2.75		2.75	2.75		THPT Cao Bá Quát
5	40014982	VÔ VĂN DƯƠNG	26/04/2002	Nam	242009951	GD		5	5		5	5		THPT Cao Bá Quát
6	40014982	VÔ VĂN DƯƠNG	26/04/2002	Nam	242009951	SU		3.25	3.25		3.25	3.25		THPT Cao Bá Quát
7	40014982	VÔ VĂN DƯƠNG	26/04/2002	Nam	242009951	TO		1.8	1.8		1.8	1.8		THPT Cao Bá Quát
8	40015313	NGUYỄN HOÀ	04/02/2002	Nam	241999254	N1		2.6	2.6		2.6	2.6		THPT Cao Bá Quát
9	40015313	NGUYỄN HOÀ	04/02/2002	Nam	241999254	SU		4	4		4	4		THPT Cao Bá Quát
10	40015313	NGUYỄN HOÀ	04/02/2002	Nam	241999254	TO		2	2		2	2		THPT Cao Bá Quát
11	40015313	NGUYỄN HOÀ	04/02/2002	Nam	241999254	VA	3.5		3.5	3.75		3.75	X	THPT Cao Bá Quát
12	40015813	NGUYỄN XUÂN HUY	20/06/2002	Nam	241866948	N1		2.2	2.2		2.2	2.2		THPT Cao Bá Quát
13	40015813	NGUYỄN XUÂN HUY	20/06/2002	Nam	241866948	TO		3.2	3.2		3.2	3.2		THPT Cao Bá Quát
14	40015813	NGUYỄN XUÂN HUY	20/06/2002	Nam	241866948	VA	2.75		2.75	2.75		2.75		THPT Cao Bá Quát
15	40016387	LÊ ANH KHOA	30/10/2002	Nam	241866718	HO		6.75	6.75		6.75	6.75		THPT Cao Bá Quát
16	40016387	LÊ ANH KHOA	30/10/2002	Nam	241866718	SI		7.5	7.5		7.5	7.5		THPT Cao Bá Quát
17	40016921	LÊ ĐỖ VĂN MẦN	04/02/2002	Nam	241922328	DI		4.5	4.5		4.5	4.5		THPT Cao Bá Quát
18	40016921	LÊ ĐỖ VĂN MẦN	04/02/2002	Nam	241922328	GD		6.5	6.5		6.5	6.5		THPT Cao Bá Quát
19	40016921	LÊ ĐỖ VĂN MẦN	04/02/2002	Nam	241922328	N1		1.6	1.6		1.6	1.6		THPT Cao Bá Quát
20	40016921	LÊ ĐỖ VĂN MẦN	04/02/2002	Nam	241922328	SU		3.5	3.5		3.5	3.5		THPT Cao Bá Quát
21	40016921	LÊ ĐỖ VĂN MẦN	04/02/2002	Nam	241922328	TO		2	2		2	2		THPT Cao Bá Quát
22	40016921	LÊ ĐỖ VĂN MẦN	04/02/2002	Nam	241922328	VA	5.25		5.25	5.25		5.25		THPT Cao Bá Quát
23	40017793	NGUYỄN ĐẶNG NHƠN	27/02/2000	Nam	241751393	DI		3	3		3	3		THPT Cao Bá Quát
24	40017793	NGUYỄN ĐẶNG NHƠN	27/02/2000	Nam	241751393	N1		3	3		3	3		THPT Cao Bá Quát
25	40017793	NGUYỄN ĐẶNG NHƠN	27/02/2000	Nam	241751393	SU		3.25	3.25		3.25	3.25		THPT Cao Bá Quát
26	40017793	NGUYỄN ĐẶNG NHƠN	27/02/2000	Nam	241751393	TO		2.8	2.8		2.8	2.8		THPT Cao Bá Quát
27	40017793	NGUYỄN ĐẶNG NHƠN	27/02/2000	Nam	241751393	VA	3.5		3.5	3.5		3.5		THPT Cao Bá Quát
28	40017984	NGUYỄN NHÃ MINH THU	06/06/2002	Nữ	241979105	HO		6.75	6.75		6.75	6.75		THPT Cao Bá Quát
29	40017984	NGUYỄN NHÃ MINH THU	06/06/2002	Nữ	241979105	LI		6.25	6.25		6.25	6.25		THPT Cao Bá Quát
30	40018186	LÊ HẠNH NGUYỄN	21/02/2002	Nữ	241866357	LI		5.75	5.75		5.75	5.75		THPT Cao Bá Quát
31	40018203	PHAN HỮU AN NGUYỄN	17/10/2002	Nam	241865756	LI		8.5	8.5		8.5	8.5		THPT Cao Bá Quát
32	40018292	HOÀNG THỊ NGỌC NHƯ	27/07/2002	Nữ	241869062	HO		8.75	8.75		8.75	8.75		THPT Cao Bá Quát

ST T	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	Môn	Điểm TL trước PK	Điểm TN trước PK	Tổng điểm trước PK	Điểm TL sau PK	Điểm TN sau PK	Tổng điểm sau PK	TS thay đổi điểm	Điểm ĐKDT
33	40018320	PHAN THỊ HỒNG OANH	04/10/2002	Nữ	241869572	LI		6.75	6.75		6.75	6.75		THPT Cao Bá Quát
34	40018322	TRẦN THỊ HOÀNG OANH	08/05/2002	Nữ	241923536	HO		6.75	6.75		6.75	6.75		THPT Cao Bá Quát
35	40018322	TRẦN THỊ HOÀNG OANH	08/05/2002	Nữ	241923536	LI		6.5	6.5		6.5	6.5		THPT Cao Bá Quát
37	40019306	VĂN THỊ TỔ UYÊN	19/03/2002	Nữ	241946925	LI		6	6		6	6		THPT Cao Bá Quát

Danh sách này có 15 thí sinh